

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13A/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 5 năm 2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Việt Giang.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Thanh Phong.

2. Ông Trần Gia Phương.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Văn N, sinh năm 1972. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 2, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Phạm Thị S, sinh năm 1975. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 2, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Cao Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 28/10/1995 tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ra ở riêng ở khu 2, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2002 đến nay,

không quan tâm gì đến nhau. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn chị S.

Về con chung: Anh Cao Văn N xác định vợ chồng có 01 con chung là Cao Ngọc T, sinh ngày 30/10/1996. Hiện cháu T đã trưởng thành lao động tự túc được nên anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Cao Văn N đề nghị để vợ chồng tự thống nhất thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp: Anh Cao Văn N xác định vợ chồng không có nợ chung và không đóng góp công sức gì cho hai bên gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn chị Phạm Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Văn N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 28/10/1995 tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ra ở riêng ở Khu 2, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2003 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay anh N xin ly hôn chị xác định không còn tình cảm vì đã sống ly thân 20 năm nay, nhưng chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Phạm Thị S xác định vợ chồng có 01 con chung là Cao Ngọc T, sinh ngày 30/10/1996. Hiện cháu T đã trưởng thành lao động tự túc được nên chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị S xác định vợ chồng có 01 thửa đất ở khu 2 xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ, trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng diện tích 01 sào khoảng 100m². Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng, Chị xác định tài sản trên đã giao cho cháu Cao Ngọc T sử dụng, sở hữu nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp: Chị Phạm Thị S xác định vợ chồng không có nợ chung và không đóng góp công sức gì cho hai bên gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Cao Văn N. Xử cho anh Cao Văn N được ly hôn chị Phạm Thị S.

Về con chung: Anh Cao Văn N và chị Phạm Thị S đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Cao Ngọc T, sinh ngày 30/10/1996. Hiện cháu T đã trưởng thành lao động tự túc được nên anh N và chị S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Cao Văn N và chị Phạm Thị S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét giải quyết.

Về nợ chung; công sức đóng góp: Anh Cao Văn N và chị Phạm Thị S đều xác định vợ chồng không có nợ chung và không đóng góp công sức gì cho hai bên gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Cao Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Cao Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc xin ly hôn với chị Phạm Thị S, HKTT tại: Khu 2, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Văn N và chị Phạm Thị S có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ ngày 28/10/1995. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình giải quyết vụ án anh N và chị S đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2002, 2003 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn. Chị S cũng xác định không còn tình cảm với anh N nhưng chị không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh trường khu hành chính nơi anh N và chị S sinh sống thì được trưởng khu hành chính cho biết vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân mỗi người một nơi từ khoảng năm 2002 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa anh N và chị S có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian

dài, không còn quan tâm đến nhau. Tình trạng hôn nhân của anh N và chị S đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Cao Văn N và chị Phạm Thị S đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Cao Ngọc T, sinh ngày 30/10/1996. Hiện cháu T đã trưởng thành lao động tự túc được nên anh N và chị S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Cao Văn N và chị Phạm Thị S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung; công sức đóng góp: Anh Cao Văn N và chị Phạm Thị S đều xác định vợ chồng không có nợ chung và không đóng góp công sức gì cho hai bên gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Cao Văn N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Cao Văn N. Xử cho anh Cao Văn N được ly hôn chị Phạm Thị S.

[2] Về con chung: Anh Cao Văn N và chị Phạm Thị S đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Cao Ngọc T, sinh ngày 30/10/1996. Hiện cháu T đã trưởng thành lao động tự túc được nên anh N và chị S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Anh Cao Văn N và chị Phạm Thị S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung; công sức đóng góp: Anh Cao Văn N và chị Phạm Thị S đều xác định vợ chồng không có nợ chung và không đóng góp công sức gì cho hai bên gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Cao Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002415 ngày 07/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao. Anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Công an huyện Lâm Thao;
- Cơ quan THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã V, huyện L;
- Lưu HS+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Việt Giang